TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2020/QĐST-HNGĐ	*Bố Trạch, ngày 18 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Trung Thành

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nhạn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp: Ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST-VHNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2020/QĐST-VHNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Bùi Sỹ T, sinh ngày 10/4/1975; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. *Có mặt*

+ Chị Lê Thị L, sinh ngày 23/9/1979; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. *Có mặt*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật đề ngày 09/10/2020, các bản tự khai và quá trình giải quyết việc Hôn nhân và gia đình anh Bùi Sỹ T và chị Lê Thị L đều thống nhất trình bày:

Vào ngày 13/5/1996, chị L và anh T đến tại UBND thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình để tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký số 10, quyển số 01 năm 1996. Tuy nhiên, tại thời điểm kết hôn chị L chưa đủ 18 tuổi trở lên đối với nữ theo quy định tại Điều 5 Luật HN-GĐ năm 1986 nên chị L đã khai lệch ngày, tháng, năm sinh của mình từ đúng là ngày 23/9/1979 thành ngày 23/9/1976. Do đó, UBND thị trấn H đã dựa vào lời khai của chị L và tiến hành đăng ký kết hôn cho chị L và anh T vào sổ đăng ký số 10, quyển số 01, ngày 13/5/1996. Nay, vì lý do cá nhân anh T và

chị L làm đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh, chị mà UBND thị trấn H tiến hành ngày 13/5/1996.

Về con chung: Anh T và chị L đều thừa nhận quá trình chung sống có 03 người con chung gồm: Bùi Sỹ Đ, sinh năm 1998; Bùi Quỳnh N, sinh năm 1997; Bùi Sỹ H, sinh năm 2000. Hiện các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Tại Tờ trình số: 315/TTr-UBND ngày 13/5/2020 của UBND thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình xác nhận: chị L và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H vào ngày 13/5/1996 và được ghi vào sổ theo dõi việc đăng ký kết hôn số 10, quyển số 01/1996. Theo sổ sách lưu trữ thể hiện chị L sinh ngày 23/9/1976. Nay các tài liệu chị L cung cấp thể hiện chị L sinh ngày 23/9/1979 nên các thông tin trong giấy đăng ký kết hôn giữa chị và anh T do UBND thị Trấn H tiến hành là không đúng. Vì vậy, UBND thị trấn Hoàn L đề nghị Tòa án xem xét hủy việc kết hôn giữa chị L và anh T vào ngày 13/5/1996.

Tại Công văn số: 500/PC06 ngày 13/4/2020 của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Quảng Bình xác nhận: Theo hồ sơ căn cước công dân để cấp giấy CMND cho chị Lê Thị L cấp ngày 04/4/1994 thì thông tin cá nhân chị L sinh ngày 23/9/1979.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình:*

+ Quá trình giải quyết việc hôn nhân và gia đình, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ ác quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ lời khai nhận của người yêu cầu và các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 29, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm a khoản 2 Điều 10, Điều 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 2, Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị: Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Lê Thị L và anh Bùi Sỹ T, hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10, quyển số 01/1996 do UBND thị trấn H đăng ký ngày 13/5/1996 cho chị Lê Thị L, sinh ngày 23/9/1976 và anh Bùi Sỹ T, sinh ngày 10/4/1975 do kết hôn trái pháp luật do tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị L chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định. Về con chung: có 03 con chung, hiện đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

+ Về lệ phí: Áp dụng Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án, công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh T về việc chị L chịu nộp toàn bộ số tiền 300.000 đồng lệ phí việc dân sự theo quy định và chị Lưu được trừ vào số tiền 300.000 tạm ứng lệ phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thu thập trong quá trình giải quyết vụ việc và đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét thấy anh Bùi Sỹ T và chị Lê Thị L đều có yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm b khoản 2 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào nội dung Công văn số: 500/PC06 ngày 13/4/2020 của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Quảng Bình thể hiện chị Lê Thị L, sinh ngày 23/9/1979 đã được Công an tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng minh nhân dân lần đầu vào ngày 04/4/1994, có số 194045301. Do đó, có đủ cơ sở xác định nội dung khai báo về năm sinh của chị L khi tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H vào năm 1996 có ghi chị Lê Thị L, sinh ngày 23/9/1976 là không đúng so với thực tế. Vì vậy, căn cứ vào ngày tháng năm sinh của chị L theo giấy chứng minh nhân dân đã được cấp vào năm 1994, thì tại thời điểm đăng ký kết hôn vào ngày 13/5/1996 chị L chưa đủ 18 tuổi trở lên đối với nữ nên chưa đủ điều kiện kết hôn theo Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Do đó, việc đăng ký kết hôn của UBND thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình tiến hành ngày 13/5/1996 giữa chị Lê Thị L và anh Bùi Sỹ T là trái pháp luật được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay anh T và chị L yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết yêu cầu các bên đương sự đều thừa nhận, trong thời gian chung sống đã có 03 con chung: Bùi Sỹ Đ, sinh ngày 02/10/1998; Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 17/8/1997 và Bùi Sỹ H, sinh ngày 08/11/2000. Hiện tại các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận chị Lê Thị L chịu nộp toàn bộ 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm b khoản 2 Điều 40, 361, 369, 370, 371, 372 và Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 5 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016

của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Sỹ T và chị Lê Thị L; hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Bùi Sỹ T và chị Lê Thị L.

Hủy giấy chứng nhận kết hôn số: 10, quyển số 01, ngày 13/5/1996 của UBND thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chị Lê Thị L chịu nộp toàn bộ 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Chị L được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0000483, ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:
- TAND Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự ;
- UBND TT H, huyện B;
- Lưu: HSVDS, Lưu TA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Trần Trung Thành